

Bản án số: 91/2019/KDTM-ST
Ngày: 27/11/2019
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Kim Em;
2. Ông Ngô Hữu Quang.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Loan – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Gấm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 11 năm 2019 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh Thương mại thụ lý số 84/2019/TLST- KDTM ngày 27 tháng 8 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 346/2019/QĐXXST-KDTM ngày 18/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 239/2019/QĐST-KDTM ngày 08/11/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại SMC Long A; Địa chỉ trụ sở: Lô X đường C, Khu công nghiệp Tân K, ấp Tân P, xã Tân K, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long A.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1989; địa chỉ: Số ấp Thanh B, xã Mỹ L, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long A; Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 15/8/2019) (có mặt).

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Phú P; địa chỉ trụ sở: Số X đường Huỳnh Tấn P, phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật của bị đơn: Bà Bạch Thị Thúy A, sinh năm 1993; Chức vụ: Giám đốc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nội dung yêu cầu của nguyên đơn như sau:

Ngày 29/03/2018 Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại SMC Long A (từ đây viết tắt là Long A) và Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Phú P (từ đây viết tắt là Phú P) ký Hợp đồng Kinh tế số 012903/SMCLA/HĐBT-18, theo đó các bên thỏa thuận như sau:

Long A cung cấp cho Phú P bê tông trộn sẵn từng đợt theo yêu cầu của Phú P đến công trình nhà dân tại Quận 7, Quận 8, huyện Bình Chánh và huyện Nhà Bè;

Chất lượng và đơn giá theo thỏa thuận tại Điều 1 của Hợp đồng. Ngoài ra, các bên còn thỏa thuận trường hợp đơn hàng bê tông dưới 4m³ thì Phú P có nghĩa vụ trả tiền chi phí dầu vận chuyển cho xe là 300.000 đồng/chuyến.

Thanh toán: Trong thời hạn 30 ngày Phú P có nghĩa vụ thanh toán cho Long A 100% giá trị đơn hàng dựa trên khối lượng và chủng loại bê tông giao nhận thực tế tại từng đơn hàng được thể hiện trên phiếu giao hàng có ký nhận của bên Phú P. Trong trường hợp Phú P chậm thanh toán thì phải chịu phạt theo mức lãi suất vay tại Ngân hàng mà Long A mở tài khoản, tiền chậm trả và thời gian chậm trả không được quá 07 ngày.

Ngoài ra các bên còn thỏa thuận các điều khoản về quyền và nghĩa vụ của các bên, điều khoản chung.

Thực hiện hợp đồng, từ ngày 01/4/2018 đến ngày 02/7/2018 Long A đã cung cấp bê tông cho Phú P theo các đơn đặt hàng của Phú P với tổng giá trị các đơn hàng là 283.719.500 đồng, tuy nhiên Phú P mới chỉ thanh toán cho Long A số tiền là 131.463.000 đồng, cụ thể các đợt thanh toán như sau:

- Ngày 10/05/2018 thanh toán 41.463.000 đồng theo Giấy báo có cùng ngày của Ngân hàng TMCP Quốc Dân;

- Ngày 02/07/2018 thanh toán 50.000.000 đồng theo Giấy báo có cùng ngày của Ngân hàng TMCP Quốc Dân;

- Ngày 24/01/2019 thanh toán 20.000.000 đồng theo Lệnh thanh toán lệnh có cùng ngày của Ngân hàng A;

- Ngày 31/01/2019 thanh toán 20.000.000 đồng theo Lệnh thanh toán lệnh có cùng ngày của Ngân hàng A.

Như vậy, số tiền Phú P còn phải trả cho Long A là 152.256.500 đồng.

Toàn bộ giá trị hàng hóa đã được Long A xuất hóa đơn và giao cho Phú P 07 hoá đơn giá trị gia tăng:

- Hóa đơn số: 0000405, ngày 29/04/2018 có giá trị: 122.091.000 đồng.

- Hóa đơn số: 0000537, ngày 26/05/2018 có giá trị: 19.072.500 đồng.

- Hóa đơn số: 0000542, ngày 27/05/2018 có giá trị: 3.387.500 đồng.
- Hóa đơn số: 0000548, ngày 28/05/2018 có giá trị: 19.690.000 đồng.
- Hóa đơn số: 0000573, ngày 31/05/2018 có giá trị: 26.411.000 đồng.
- Hóa đơn số: 0000757, ngày 28/06/2018 có giá trị: 15.367.500 đồng.
- Hóa đơn số: 0000805, ngày 05/07/2018 có giá trị: 77.700.000 đồng.

Mặc dù Long A đã nhiều lần đề nghị Phú P thanh toán nhưng đến nay Phú P vẫn chưa thanh toán số tiền còn nợ.

Vì vậy Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại SMC Long A yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề như sau:

- Buộc Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Phú P phải trả ngay cho Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại SMC Long A số tiền gốc còn nợ là 152.256.500 đồng;

Do Phú P chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên Long A yêu cầu Phú P phải trả lãi chậm trả theo Điều 306 Luật Thương mại 2005, cụ thể: Do không có thông tin về lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường, Long A căn cứ lãi suất cơ bản $9\%/năm \times 150\% = 13,5\%/năm$; $1,125\%/tháng$. Cách tính lãi: Lãi phạt quá hạn = Nợ quá hạn x Số tháng x $(9\% \times 150\%/12 tháng)$ trên tổng dư nợ thực tế chậm trả giảm dần qua các đợt thanh toán tính từ ngày 02/08/2018 đến ngày 01/10/2019 là 26.929.710 đồng

Tổng số tiền Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại SMC Long A yêu cầu Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Phú P phải trả ngay tạm tính đến ngày 01/10/2019 là 179.186.210 đồng.

Về việc các Biên bản xác nhận khối lượng ở phần đại diện bên nhận ký nhận có nhiều người ký nhận là do đặc thù bê tông không thể chờ đợi lâu vì vậy khi xe bê tông đến công trình thì phải có người tiếp nhận và ký tên vào các Biên bản xác nhận khối lượng vì vậy đại diện bên nhận không thể chỉ có 01 người để ký nhận, việc đó được lập đi lập lại nhiều lần trong một thời gian dài giữa Long A và Phú P, được các bên mặc nhiên thừa nhận để xác định quyền và nghĩa vụ của các bên.

2. Bị đơn: Bị đơn đã được Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập tham gia về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa:

* Nguyên đơn xác định yêu cầu khởi kiện như sau:

Công ty Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại SMC Long A yêu cầu Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Phú P trả tổng số tiền là 180.763.794 đồng, trong đó số tiền còn nợ là 152.256.500 đồng và tiền lãi phạt do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán là 28.507.294 đồng.

* Bị đơn vắng mặt không lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về những nội dung sau:

I. VIỆC TUÂN THEO PHÁP LUẬT TỔ TỤNG

1. Việc tuân theo pháp luật tổ tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

** Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:*

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý quy định tại các điều từ Điều 26 đến Điều 40 BLTTDS; Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 BLTTDS; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến 97 BLTTDS; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 BLTTDS

Tuy nhiên vụ án không được giải quyết đúng thời hạn quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 do phức tạp nên Tòa án phải tiến hành thu thập xác minh nên việc không đúng hạn là có lý do.

** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:*

Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự vì vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tòa án thụ lý giải quyết vụ án mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

II. Ý KIẾN VỀ VIỆC GIẢI QUYẾT VỤ ÁN:

Nguyên đơn yêu cầu Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Phú P phải trả tổng số tiền là 180.763.794 đồng trong đó tiền gốc là 152.256.500 đồng và tiền lãi là 28.507.294 đồng từ ngày 02/08/2018 đến ngày 27.11.2019.

Nhận thấy căn cứ Hợp đồng kinh tế số: 012903/SMCLA/HĐBT-18 ký ngày 29/03/2018 (Hợp đồng số 012903) giữa Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại

SMC Long A (SMCLA) với Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Phú P (Phú P) về việc cung cấp bê tông trộn sẵn.

Theo Hợp đồng số 012903, Phú P chấp thuận cho SMCLA cung cấp bê tông trộn sẵn đến công trình: nhà dân – các công trình quận 7, quận 8 và huyện bình chánh, huyện Nhà Bè, TP.HCM.

Địa điểm cung cấp: Đường số 7, KDC Kim Sơn, Nguyễn Hữu Thọ, Quận 7.

Tổng giá trị Hợp đồng là 283.719.500 đồng: Đã được đại diện của SMCLA và Phú P xác nhận bằng các Biên bản xác nhận khối lượng.

Sau khi xác nhận khối lượng và giá trị, SMCLA đã xuất và giao cho Phú P 07 hoá đơn giá trị gia tăng: Hóa đơn số: 0000405, ngày 29/04/2018 có giá trị: 122.091.000 đồng, Hóa đơn số: 0000537, ngày 26/05/2018 có giá trị: 19.072.500 đồng, Hóa đơn số: 0000542, ngày 27/05/2018 có giá trị: 3.387.500 đồng, Hóa đơn số: 0000548, ngày 28/05/2018 có giá trị: 19.690.000 đồng, Hóa đơn số: 0000573, ngày 31/05/2018 có giá trị: 26.411.000 đồng, Hóa đơn số: 0000757, ngày 28/06/2018 có giá trị: 15.367.500 đồng, Hóa đơn số: 0000805, ngày 05/07/2018 có giá trị: 77.700.000 đồng.

Tổng giá trị Phú P đã thanh toán là 131.463.000 đồng. Cụ thể: Ngày 10/05/2018 thanh toán 41.463.000 đồng theo Giấy báo có cùng ngày của Ngân hàng N; Ngày 02/07/2018 thanh toán 50.000.000 đồng theo Giấy báo có cùng ngày của Ngân hàng N; Ngày 24/01/2019 thanh toán 20.000.000 đồng theo Lệnh thanh toán lệnh có cùng ngày của Ngân hàng A; Ngày 31/01/2019 thanh toán 20.000.000 đồng theo Lệnh thanh toán lệnh có cùng ngày của Ngân hàng A. Giá trị còn lại phải thanh toán là 152.256.500 đồng. Nay Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại SMC Long A yêu cầu Phú P trả số tiền còn lại là 152.256.500 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

Đối với tiền lãi từ ngày 02/08/2018 đến ngày 27.11.2019 là 28.507.294 đồng.

Nhận thấy theo khoản 1, Điều 3 của Hợp đồng về điều kiện thanh toán: Căn cứ theo khối lượng và chủng loại bê tông của mỗi đơn hàng, Phú P thanh toán cho SMCLA 100% giá trị trong vòng 30 ngày kể từ ngày cấp bê tông. Ngày cấp bê tông sau cùng là ngày 02/07/2018. Như vậy, khoản nợ 152.256.500 đồng quá hạn thanh toán kể từ ngày 02/08/2018.

Nay Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại SMC Long A yêu cầu tính lãi suất chậm trả, lãi suất 12,75%/năm. Cách tính lãi: Lãi phạt quá hạn = Nợ quá hạn x Số tháng x 12.75%/năm trên tổng dư nợ thực tế chậm trả giảm dần qua các đợt thanh toán tính từ ngày 02/08/2018 là phù hợp với quy định của pháp luật và có cơ sở để chấp nhận.

Bởi các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên

Căn cứ Điều 50, Điều 55, Điều 306 Luật Thương mại

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Phú P có trách nhiệm thanh toán cho công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại SMC Long A tổng số tiền là 180.763.794 đồng trong đó tiền gốc là 152.256.500 đồng và tiền lãi là 28.507.294 đồng từ ngày 02/08/2018 đến ngày 27.11.2019.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa;

Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả số tiền mua hàng hóa (bê tông) còn nợ theo hợp đồng mua bán các bên đã ký kết, nên đây là tranh chấp về “Hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần mã số doanh nghiệp 0313737585, đăng ký lần đầu ngày 05/4/2016 thì bị đơn có trụ sở tại X đường Huỳnh Tấn P, phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Nên, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 1 Điều 30, Điểm b Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về hình thức:

Đối với bị đơn là Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Phú P mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ để cung cấp chứng cứ, tham gia phiên họp để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về đánh giá chứng cứ vụ án:

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa để giải quyết, không cung cấp chứng cứ, vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa; nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 91 và Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 chấp nhận lời trình bày của nguyên đơn mà không cần phải chứng minh.

[3.2] Đối với yêu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền nợ 152.256.500 đồng:

Hợp đồng Kinh tế số 012903/SMCLA/HĐBT-18 ngày 29/3/2018 đã ký kết giữ nguyên đơn và bị đơn đảm bảo về mặt hình thức và phù hợp với quy định của pháp luật, do đó được công nhận và có giá trị hiệu lực ràng buộc các bên.

Nguyên đơn yêu cầu buộc bị đơn trả số tiền nợ mua hàng hóa (bê tông) phát sinh theo thỏa thuận tại Kinh tế số 012903/SMCLA/HĐBT-18 ngày 29/3/2018 đã ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn là 152.256.500 đồng.

Căn cứ vào Hợp đồng Kinh tế số 012903/SMCLA/HĐBT-18 ngày 29/3/2018; biên bản xác nhận khối lượng các ngày 09/4/2018, 12/4/2018, 19/4/2018, 22/4/2018, 22/4/2018, 30/4/2018, 03/5/2018, 10/5/2018, 12/5/2018, 13/5/2018, 20/5/2018, 22/5/2018, 01/6/2018, 02/7/2018; giấy báo tài khoản Ngân hàng của nguyên đơn có ngày 02/7/2018, 10/5/2018, 24/01/2019, 31/01/2019 và các chứng cứ khác có trong hồ sơ có đủ cơ sở xác định: Từ ngày 01/4/2018 đến ngày 02/7/2018 nguyên đơn đã cung cấp bê tông cho bị đơn theo các đơn đặt hàng của bị đơn với tổng giá trị các đơn hàng là 283.719.500 đồng, tuy nhiên Phú P mới chỉ thanh toán cho Long A số tiền là 131.463.000 đồng, số tiền còn lại bị đơn nợ nguyên đơn là 152.256.500 đồng. Nguyên đơn cũng đã xuất hóa đơn VAT cho bị đơn theo quy định.

Căn cứ Điều 3 Hợp đồng Kinh tế số 012903/SMCLA/HĐBT-18 ngày 29/3/2018 nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận về phương thức thanh toán như sau: Trong thời hạn 30 ngày bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn 100% giá trị đơn hàng dựa trên khối lượng và chủng loại bê tông giao nhận thực tế tại từng đơn hàng được thể hiện trên phiếu giao hàng có ký nhận của bên bị đơn.

Căn cứ Điều 50 Luật Thương mại 2005 quy định:

Điều 50. Thanh toán

- 1. Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng và nhận hàng theo thỏa thuận.*
- 2. Bên mua phải tuân thủ các phương thức thanh toán, thực hiện việc thanh toán theo trình tự, thủ tục đã thỏa thuận và theo quy định của pháp luật.*

Do vậy, có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền nợ mua hàng hóa (bê tông) phát sinh theo thỏa thuận Hợp đồng Kinh tế số

012903/SMCLA/HĐBT-18 ngày 29/3/2018 đã ký kết giữ nguyên đơn và bị đơn là 152.256.500 đồng.

[3.2] Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả lãi phạt do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi trên số tiền chậm thanh toán 152.256.500 đồng kể từ ngày 02/8/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 28.507.294 đồng.

Xét, tại Điều 3 Hợp đồng Kinh tế số 012903/SMCLA/HĐBT-18 ngày 29/3/2018 nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận về phương thức thanh toán như sau: Trong thời hạn 30 ngày bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn 100% giá trị đơn hàng dựa trên khối lượng và chủng loại bê tông giao nhận thực tế tại từng đơn hàng được thể hiện trên phiếu giao hàng có ký nhận của bên bị đơn. Ngày 02/7/2018 là ngày nguyên đơn cung cấp bê tông cho bị đơn đợt cuối cùng. Do vậy nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 02/8/2018 là có căn cứ.

Về mức lãi suất:

Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại 2005 quy định như sau:

Điều 306. Quyền yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán

Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Căn cứ mức lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam là 12.75%/năm.

Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận buộc bị đơn có nghĩa vụ cho nguyên đơn số tiền lãi là 28.507.294 đồng.

[4] Về thời hạn trả nợ: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[5] Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với phân tích, nhận định trên của Hội đồng xét xử.

[6] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí Kinh doanh Thương mại sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 30, Điểm b Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 227, Khoản 3 Điều 228 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 24, Điều 50 và Điều 306 Luật Thương mại 2005;

- Căn cứ Luật phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

1. Về hình thức: Xử vắng mặt bị đơn Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Phú P.

2. Về nội dung:

2.1 Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại SMC Long A.

Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Phú P có nghĩa vụ trả cho Công ty Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại SMC Long A số tiền là 180.763.794 đồng, trong đó số tiền còn nợ là 152.256.500 đồng và tiền lãi phạt do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán là 28.507.294 đồng.

Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2.2 Về án phí:

Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Phú P phải chịu tiền án phí Kinh doanh Thương mại sơ thẩm là 9.038.190 đồng.

Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại SMC Long A không phải chịu tiền án phí Kinh doanh Thương mại sơ thẩm. Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.412.000 (bốn triệu, bốn trăm mười hai ngàn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0031591 ngày 27/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cho Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại SMC Long A.

3. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại SMC Long A cho đến khi thi hành án xong, Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Phú P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án tại địa phương.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Quận 7, Tp.HCM;
- Chi cục THADS Quận 7, Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu (TK. Loan).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Chí Hiếu